

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHOÁI CHÂU  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2018

V/v: *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN**

**I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Văn Huân.

**2. Các Hội thẩm nhân dân:**

2.1. Ông Nguyễn Đức Tuân;

2.2. Ông Trần Xuân Hòa.

**II. Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên:** Bà Đặng Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 41/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 29/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1978, *có mặt*.

Quê quán: Thôn x, xã U, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

HKTT: Thôn 5, xã U, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972, *vắng mặt*.

Quê quán, HKTT và trú tại: Thôn xx, xã U, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**3. Người làm chứng:**

3.1. Chị Nguyễn Thị R, sinh năm 1998, *có mặt*;

Trú tại: Thôn 2, xã U, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3.2. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1977, *vắng mặt*;

Trú tại: Thôn Ê, xã U, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3.3. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1942, *vắng mặt*;

Trú tại: Thôn 5, xã U, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3.4. Anh Hoàng Đức C, sinh năm 1989, *vắng mặt*;

Trú tại: Thôn x, xã U, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3.5. Bà Chu Thị U', sinh năm 1943, *vắng mặt*;

Trú tại: Thôn xx, xã U, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3.6. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1999, *vắng mặt*;

Trú tại: Thôn xx, xã U, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3.7. Ông Hoàng Đức R, sinh năm 1949, *vắng mặt*.

Trú tại: Thôn x, xã U, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-01-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H trên cơ sở tự nguyện, hai bên có tiền hành làm thủ tục đăng ký tại UBND xã U, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/12/1996. Sau khi kết hôn hai bên về chung sống tại địa phương xã U, huyện Khoái Châu. Thời gian đầu hai bên về chung sống hòa thuận, hạnh phúc bình thường nhưng vài năm trở lại đây hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm, lối sống và kể từ năm 2013 hai bên sống ly thân nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, chỉ còn liên quan đến con chung, đến năm 2015 sau khi tổ chức cưới hỏi cho con chung (cháu Nguyễn Thị Hồng N) xong thì chị không về gia đình nhà chồng nữa và anh H cũng không xuống gia đình bố mẹ đẻ chị nữa. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân anh H có vài lần đến tìm nói chuyện với chị nhưng giữa hai bên vẫn không cải thiện được quan hệ hôn nhân. Đến nay sau khi suy xét kỹ trong khoảng thời gian dài, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể níu kéo thêm nên chị làm đơn xin giải quyết ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo cho chị L và anh H đến làm việc, xem xét quan điểm, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có chị L có mặt đầy đủ, còn anh H đều vắng mặt không có lý do. Ngày 29/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã về làm việc và gặp trực tiếp anh Nguyễn Văn H nhưng sau khi nghe giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật thì anh H đã từ chối khai báo, làm việc với cán bộ Tòa án và từ chối nhận giấy báo của Tòa án, cũng như ký kết vào mọi giấy tờ liên quan với lý do việc làm đơn xin ly hôn do chị Hoàng Thị L tự làm đơn nên để chị L tự giải quyết một phía.

Ngoài ra Tòa án còn về địa phương xác minh, tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng là đại diện hai bên gia đình, cho thấy nội dung đều thống nhất: Việc anh H và chị L kết hôn là tự nguyện, có tiền hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã U. Thời gian đầu hai bên chung sống hòa

thuận, hạnh phúc bình thường nhưng trong khoảng 3 – 4 năm nay hai bên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn, bản thân chị L khoảng 2 - 3 năm nay không về nhà chồng và hiện hai bên sống ly thân nhau. Khi hai bên bất đồng gia đình, người thân đã động viên, khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được. Đại diện gia đình anh H đều khẳng định gia đình đã nhiều lần nhận được giấy báo của Tòa án thông báo cho anh H đến làm việc và những lần nhận được giấy báo gia đình đều đã thông báo cho anh H nhưng anh H đều báo lại do bận công việc và để cho chị L giải quyết một phía lên anh không đến làm việc.

*Về nuôi con chung:* Qua lời khai của chị L và lời khai của những người làm chứng, xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương đều cho thấy: Quá trình chung sống anh H và chị L có hai con chung, con lớn tên là Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1997 và con nhỏ là Nguyễn Văn M, sinh năm 1999. Hiện nay cháu N đã lập gia đình và có cuộc sống riêng, còn cháu M đã trưởng thành đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên chị L không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

*Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Chị L khẳng định không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết, còn anh H không khai báo.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

- Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã khai tại Tòa án trước đây.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng Dân sự, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS).

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 – BLTTDS năm 2015.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị L.
- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị L và anh H đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau các bên có tranh chấp, yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

*Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống, gia đình, người thân đã động viên, khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được. Đến nay hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, phù hợp với lời khai của chị L, lời khai của những người làm chứng, cũng như nội dung xác minh tại chính quyền địa phương xã U. Tòa án đã nhiều lần thông báo cho các bên đến làm việc, hòa giải nhưng chỉ có chị L có mặt đầy đủ, còn anh H đều vắng mặt không có lý do, phía chị L quyết giữ quan điểm xin ly hôn vì xác định hai bên không còn tình cảm và không thể nín kéo thêm. Do đó, cần xử cho chị L được ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

*Về nuôi con chung:* Quá trình chung sống chị L và anh H có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1997 và Nguyễn Văn M, sinh năm 1999. Hiện nay cháu N đã lập gia đình và có cuộc sống riêng, còn cháu M đã trưởng thành đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên chị L không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

*Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Chị L khẳng định không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh H từ chối khai báo nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau các bên có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

*Về án phí:* Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Điều luật áp dụng:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 – BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2. Về hôn nhân:** Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

**3. Về nuôi con chung:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:** Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau các bên có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

**5. Về án phí:** Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu số 0002202 ngày 26/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

**6. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn chị Hoàng Thị L (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã U;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Văn Huân**